

**BẢNG 07: TỔNG HỢP SỐ HỘ DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG TƯƠNG ỨNG VỚI TỪNG KỊCH BẢN NGẬP
KHU VỰC TỈNH SON LA:**

I. HUYỆN MUỜNG LA

I.1. Xã Ít Ong.

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN GIẶNG											
	Cao độ PA	m	142,47	141	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,7	126,77
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	41	34	23	0	0	34	32	0	0	0

I.2. Xã Tạ Bú

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN KẾT											
	Cao độ PA	m	142,47	141,00	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,70	126,77
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	156	150	142	142	0	150	150	130	0	0
2	BẢN TẠ BÚ											
	Cao độ PA	m	142,47	141	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,7	126,77
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	94	60	40	30	0	60	45	0	0	0
3	BẢN MÒN											
	Cao độ PA	m	142,47	141	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,7	126,77
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	93	77	52	35	0	77	73	15	0	0
4	BẢN TẠ BÚNG											
	Cao độ PA	m	142,47	141,00	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,70	126,77
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	128	106	72	49	17	106	106	21	17	15

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vở đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
5	BẢN PÉT													
	Cao độ PA	m	138,38	136,22	133,82	132,47	125,68	137,29	136,52	130,18	125,71	121,98		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	31	31	31	31	25	31	31	31	25	20		
6	BẢN TÔM													
	Cao độ PA	m	137,91	135,52	133,28	131,89	125,31	136,75	136,13	129,68	125,22	121,59		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	69	57	39	26	0	57	54	11	0	0		
7	BẢN BÁC													
	Cao độ PA	m	138,04	135,78	133,45	132,07	125,42	137,14	136,22	129,73	125,33	121,71		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	85	71	48	32	0	71	67	13	0	0		
8	BẢN PÂU													
	Cao độ PA	m	137,91	135,52	133,28	131,89	125,31	136,75	136,13	129,68	125,22	121,59		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	49	41	27	19	0	41	39	8	0	0		

I.3. Xã Chiềng San

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vở đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	BẢN PÁ CHIẾN													
	Cao độ PA	m	142,47	141	138,47	137,51	130,68	141,29	140,84	134,99	130,7	126,77		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	111	93	65	56	0	93	86	35	0	0		

I.4. Xã Chiềng Hoa

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	BẢN HÁT HAY							XL3.1	XL3.2	PA XL3.3	PA	XL3.4	PA	XL3.7
	Cao độ PA	m	137,82	135,42	133,10	131,69	125,04	136,69	135,71	129,47	125,19		121,55	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	63	58	32	16	0	62	58	0	0		0	
2	BẢN PHƯƠNG YÊN													
	Cao độ PA	m	137,78	135,40	133,06	131,65	124,96	136,66	135,83	129,41	125,17		121,53	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	234	213	195	195	130	213	213	173	130		78	
3	BẢN MƯỜNG PIA													
	Cao độ PA	m	137,82	135,42	133,10	131,69	125,04	136,69	135,48	129,47	125,19		121,55	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	27	27	24	24	20	27	27	24	20		16	
4	BẢN TẢ													
	Cao độ PA	m	137,78	135,4	133,06	131,65	124,96	136,66	135,38	129,41	125,17		121,53	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	65	65	60	45	30	65	65	45	15		15	
5	Áng Nghịu													
	Cao độ PA	m	137,54	135,12	132,81	131,40	124,81	136,57	135,62	129,28	124,93		121,33	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	151	130	121	121	108	130	130	121	108		89	
6	Hìn Phá													
	Cao độ PA	m	137,49	135,05	132,76	131,36	124,76	136,42	135,47	129,16	124,84		121,27	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	9	9	9	9	0	9	9	9	0		0	

I.5. Xã Mường Chùm

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vở đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	Bản: Pá Nặm							PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	137.54	135.12	132.81	131.40	124.81	136.565	135.62	129.275	124.93	121.33		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	79	70	57	43	0	70	70	0	0	0		

II. HUYỆN MAI SON**II.1. Xã Chiềng Chăn.**

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vở đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	Bản Kiềng							PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	137.52	135.07	132.79	131.39	124.78	136.49	135.44	129.19	124.88	121.29		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	34	29	25	25	21	29	29	25	21	16		
2	Bản Si													
	Cao độ PA	m	137.3	134.83	132.57	131.16	124.62	136.14	135.255	128.915	124.6	121.14		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	95	75	64	64	33	78	75	43	33	27		
3	Chan Chiềng													
	Cao độ PA	m	137.24	134.755	132.5	131.09	124.56	136.14	135.25	128.91	124.60	121.14		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	127	127	112	112	98	127	127	112	98	79		

II.2. Xã Tà Hộc

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Bản Pon													
	Cao độ PA	m	136,62	134,03	131,83	130,42	124,04	135,53	134,65	128,3	124,09	120,77		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	46	46	36	30	25	46	46	25	25	20		
2	Bản Hộc													
	Cao độ PA	m	135,61	133,04	130,86	129,51	123,48	134,55	133,74	127,52	123,51	120,46		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	43	43	28	28	21	43	43	21	17	0		
3	Bản Mường													
	Cao độ PA	m	134,72	132,11	129,93	128,61	122,87	133,68	132,91	126,73	122,91	120,08		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	132	132	125	125	96	132	132	112	96	78		

III. HUYỆN BẮC YÊN

III.1. Xã Pắc Ngà

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	BẢN TÀ IÙ													
	Cao độ PA	m	137,38	134,93	132,65	131,24	124,68	136,265	135,405	129,05	124,74	121,21		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	59	59	48	48	36	59	59	48	36	27		
2	BẢN LỪM HẠ													
	Cao độ PA	m	137,19	134,68	132,43	131,02	124,5	136,09	135,19	128,85	124,52	121,11		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	61	61	47	47	32	61	61	47	32	17		
3	BẢN PẮC NGÀ													
	Cao độ PA	m	137,19	134,68	132,43	131,02	124,5	136,09	135,19	128,85	124,52	121,11		

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	9	9	9	0	0	9	9	0	0	0

III.2. Xã Mường Khoa

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN SƯỜI TẦNG											
	Cao độ PA	m	134,23	131,63	129,44	128,14	122,57	133,2	132,47	126,32	122,62	119,87
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	42	26	26	21	0	42	35	0	0	0
2	BẢN KHOA											
	Cao độ PA	m	133,64	131,04	128,85	127,58	122,23	132,63	131,94	125,84	122,28	119,67
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	215	187	73	73	68	215	187	73	68	59

III.3. Xã Chím Vân

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN VÂN											
	Cao độ PA	m	134,72	132,11	129,93	128,61	122,87	133,68	132,91	126,73	122,91	120,08
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	192	192	146	146	40	192	192	77	40	20
2	BẢN CẢI B											
	Cao độ PA	m	133,64	131,04	128,85	127,58	122,23	132,63	131,94	125,84	122,28	119,67
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	86	86	68	68	29	86	86	40	29	15

III.4. Xã Tạ Khoa

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN TÀ ĐỒ											
	Cao độ PA	m	131,63	129,03	126,77	125,64	121,07	130,64	130,09	124,18	121,13	119,02
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	36	30	25	25	16	36	36	20	16	9
2	BẢN SẬP VIỆT											
	Cao độ PA	m	133,64	131,04	128,85	127,58	122,23	132,63	131,94	125,84	122,28	119,67
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	77	77	44	44	32	77	77	44	32	27
3	BẢN NHẬN NỢC											
	Cao độ PA	m	132,01	129,4	127,16	125,99	121,26	131,02	130,44	124,48	121,32	119,12
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	75	48	48	41	32	75	48	41	32	17

III.5. Xã Song Pe

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN PE											
	Cao độ PA	m	132,01	129,4	127,16	125,99	121,26	131,02	130,44	124,48	121,32	119,12
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	204	195	167	167	143	204	204	167	143	127
2	BẢN CHANH											
	Cao độ PA	m	132,01	129,4	127,16	125,99	121,26	131,02	130,44	124,48	121,32	119,12
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	82	76	63	63	42	82	82	63	42	35
3	BẢN NGUỒN											
	Cao độ PA	m	131,625	129,025	126,77	125,635	121,065	130,64	130,09	124,18	121,125	119,015

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	17	17	14	14	9	XL3.1	XL3.2	XL3.3	XL3.4	XL3.7	9	
4	BẢN MONG													
	Cao độ PA	m	130,67	128,06	125,76	124,69	120,53	129,7	129,21	123,38	120,59	118,72		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	58	46	35	35	18	46	46	35	18	18		
5	BẢN NGÂM													
	Cao độ PA	m	129,25	126,69	124,3	123,37	119,83	128,34	127,94	122,28	119,9	118,38		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	32	20	20	0	0	32	20	0	0	0		

III.6. Xã Chiềng Sại

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	BẢN QUẾ SON							XL3.1	XL3.2	XL3.3	XL3.4	XL3.7		
	Cao độ PA	m	127,57	125,09	122,51	121,74	119,00	126,76	126,44	120,93	119,07	117,94		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	40	40	25	25	0	40	40	0	0	0		
2	BẢN NÀ DÒN													
	Cao độ PA	m	128,32	125,81	123,35	122,5	119,39	127,45	127,12	121,56	119,46	118,14		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	26	13	13	0	0	26	26	0	0	0		
3	BẢN TĂNG MƯỜNG													
	Cao độ PA	m	129,25	126,69	124,30	123,37	119,83	128,34	127,94	122,28	119,90	118,38		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	37	32	24	24	13	37	37	24	13	13		

IV. HUYỆN PHÙ YÊN

IV.1. Xã Đá Đỏ

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	BẢN HỢP BÔNG													
	Cao độ PA	m	127,06	124,63	122	121,3	118,79	126,29	125,99	120,56	118,86	117,85		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	32	32	19	19	0	32	32	0	0	0		
2	BẢN BÃI VÀNG													
	Cao độ PA	m	127,57	125,09	122,51	121,7	119	126,76	126,44	120,93	119,07	117,94		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	37	37	37	37	17	37	37	17	17	17		
3	BẢN BÃI SẠI													
	Cao độ PA	m	128,00	125,49	122,96	122,15	119,20	127,15	126,83	121,26	119,27	118,04		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	8	5	0	0	0	8	5	0	0	0		
4	BẢN ĐÁ ĐỎ													
	Cao độ PA	m	127,06	124,63	122	121,3	118,79	126,29	125,99	120,56	118,86	117,85		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	49	41	19	19	0	41	41	19	0	0		
5	BẢN TANG LANG													
	Cao độ PA	m	126,57	124,17	121,43	120,8	118,54	125,83	125,55	120,14	118,62	117,73		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	37	37	21	0	0	37	37	21	0	0		
6	BẢN CỬA SẬP													
	Cao độ PA	m	128,32	125,81	123,35	122,50	119,39	127,45	127,12	121,56	119,46	118,14		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	27	17	12	6	3	27	27	3	3	3		

IV.2. Xã Bắc Phong

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	BẢN BỎ MÝ							PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	125,32	123,19	120,02	119,52	117,99	124,63	124,44	119,11	118,05	117,47		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	55	9	0	0	0	55	55	0	0	0		
2	BẢN ĐÁ PHỎ													
	Cao độ PA	m	126,34	123,98	121,18	120,55	118,44	125,62	125,35	119,96	118,51	117,68		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	24	15	3	0	0	24	24	0	0	0		
3	BẢN BẮC BẮN													
	Cao độ PA	m	126,57	124,17	121,43	120,78	118,54	125,83	125,55	120,14	118,62	117,73		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	39	25	17	17	0	39	39	17	0	0		
4	BẢN BÀI CON													
	Cao độ PA	m	125,32	123,19	120,02	119,52	117,99	124,63	124,44	119,11	118,05	117,47		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	BẢN BỎ VÃ													
	Cao độ PA	m	126,57	124,17	121,43	120,78	118,54	125,83	125,55	120,14	118,62	117,73		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

IV.3. Xã Tân Phong

		Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ					
STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN VẠN YÊN											

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	133	133	0	0	0	133	133	0	0	0		
2	BẢN MỪNG													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	78	50	0	0	0	78	78	0	0	0		
3	BẢN ĐỒNG MÃ													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	14	14	8	8	3	14	14	3	3	3		
4	BẢN IN													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	17	17	11	11	3	17	17	3	3	3		
5	BẢN BÔNG													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	20	20	9	9	0	20	20	9	0	0		

IV.4. Xã Tường Phong

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	BẢN TÂN ĐÀ													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84		117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	7	7	3	3	3	7	7	3	3		3	
2	BẢN BÈO													
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84		117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	45	45	0	0	0	45	45	0	0		0	

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vở đập					Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7	PA
3	BẢN HẠ LƯƠNG												
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	98	98	0	0	0	98	98	0	0	0	0

IV.5. Xã Tường Tiến

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vở đập					Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7	PA
1	BẢN TẮT												
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	75	75	24	24	3	75	75	3	3	3	3
2	BẢN NÀ PỤC												
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	59	59	39	39	0	59	59	39	0	0	0
3	BẢN PA												
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	21	21	2	2	0	21	21	2	0	0	0

IV.6. Xã Tường Hạ

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vở đập					Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7	PA
1	BẢN CỐC 2												
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	105	43	43	43	0	105	105	0	0	0	0

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
2	BẢN LIÊN HỢP											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	74	74	0	0	0	74	74	0	0	0
3	BẢN KHẢO											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	180	180	0	0	0	180	180	0	0	0
4	BẢN DẪN											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	76	54	0	0	0	76	76	0	0	0
5	BẢN CỐC 1											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	83	75	0	0	0	83	83	0	0	0

IV.7. Xả Tường Thương

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN CHẶN											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	17	17	0	0	0	17	17	0	0	0
2	BẢN CẢI											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	44	26	0	0	0	44	44	0	0	0
3	BẢN KHOA I											
	Cao độ PA	m	124,92	122,86	119,48	119,04	117,79	124,20	124,04	118,71	117,84	117,37

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	124,79	122,76	119,33	118,91	117,74	124,07	123,92	118,61	117,79	117,35		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	6	6	6	6	0	6	6	6	0	0		
3	BẢN PÍN													
	Cao độ PA	m	124,08	122,23	118,51	118,19	117,45	123,31	123,21	118,00	117,48	117,21		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	3	3	3	0	0	3	3	0	0	0		

V. HUYỆN MỘC CHÂU

V.1. Xã Quy Hướng

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập						Số lượng kịch bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	NÀ QUYỀN													
	Cao độ PA	m	124,79	122,76	119,33	118,91	117,74	124,07	123,92	118,61	117,79	117,35		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	53	27	0	0	0	53	53	0	0	0		
2	BẢN SUỐI GIẢNG 2													
	Cao độ PA	m	124,79	122,76	119,33	118,91	117,74	124,07	123,92	118,61	117,79	117,35		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	80	37	0	0	0	80	80	0	0	0		
3	BẢN ĐÔNG GIẢNG													
	Cao độ PA	m	124,79	122,76	119,33	118,91	117,74	124,07	123,92	118,61	117,79	117,35		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	2	2	0	0	0	2	2	0	0	0		
4	BẢN VẮNG KHOÀI													
	Cao độ PA	m	124,79	122,76	119,33	118,91	117,74	124,07	123,92	118,61	117,79	117,35		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	12	12	0	0	0	12	12	0	0	0		
5	BẢN BẾN TRAI													
	Cao độ PA	m	125,08	123,00	119,71	119,25	117,88	124,38	124,20	118,88	117,93	117,41		

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	18	13	7	7	0	18	18	0	0	0

VI. HUYỆN VĂN HỒ

VI.1. Xã Song Khúa

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN UN											
	Cao độ PA	m	123,23	121,62	117,58	117,43	117,04	122,42	122,37	117,32	117,15	117,07
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	3	3	0	0	0	3	3	0	0	0

VI.2. Xã Quang Minh

STT	Nội dung tổng hợp	Đơn vị	Số lượng kịch bản vỡ đập					Số lượng kịch bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	BẢN LÒM											
	Cao độ PA	m	123,13	121,55	117,49	117,37	117,03	122,32	122,28	117,25	117,12	117,05
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0
2	BẢN NÀ BAI											
	Cao độ PA	m	123,01	121,47	117,37	117,30	117,03	122,20	122,16	117,16	117,08	117,04
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	7	7	7	0	0	7	7	0	0	0

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
	Cao độ PA	m	123.23	121.62	117.58	117.43	117.04	122.42	122.37	117.32	117.15	117.07		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0		

4. Xã Đồng Rượu.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Hòm													
	Cao độ PA	m	123.01	121.47	117.37	117.30	117.03	122.20	122.16	117.16	117.08	117.04		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	2	2	1	1	1	2	2	1	1	1		

5. Xã Yên Hoà.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Hạt													
	Cao độ PA	m	122.95	121.42	117.31	117.24	117.02	122.13	122.10	117.11	117.05	117.03		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	3	3	2	2	0	3	3	0	0	0		

6. Xã Tiên Phong.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Xóm Cò Xa													
	Cao độ PA	m	122.86	121.37	117.23	117.18	117.02	122.05	122.02	117.05	117.03	117.02		

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vổ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	42	42	0	0	0	42	42	0	0	0		
3	Xóm Dung													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	4	4	0	0	0	4	4	0	0	0		
4	Xóm Mơ													
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.08	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.00		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	10	10	0	0	0	10	10	0	0	0		

II. Huyện Mai Châu.

1. Xã Tân Thành.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vổ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA	PA
1	Xóm Ban													
	Cao độ PA	m	122.95	121.42	117.31	117.24	117.02	122.13	122.10	117.11	117.05	117.03		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	2	2	0	0	0	2	2	0	0	0		
2	Xóm Tôm													
	Cao độ PA	m	122.95	121.42	117.31	117.24	117.02	122.13	122.10	117.11	117.05	117.03		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	16	16	0	0	0	16	16	0	0	0		
3	Xóm Đá Đỏ													
	Cao độ PA	m	122.86	121.37	117.22	117.17	117.02	122.04	122.00	117.03	117.02	117.01		
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	5	5	0	0	0	5	5	0	0	0		
4	Xóm Tân Thủy													
	Cao độ PA	m	122.85	121.36	117.22	117.15	117.01	122.03	122.01	117.04	117.02	117.01		

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
	Cao độ PA	m	122.84	121.35	117.20	117.12	117.01	122.02	121.99	117.03	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	2	2	2	0	0	2	2	0	0	0
3	Xóm Mu											
	Cao độ PA	m	122.84	121.35	117.20	117.12	117.01	122.02	121.99	117.03	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	18	18	18	0	0	18	18	0	0	0
4	Xóm Nê											
	Cao độ PA	m	122.84	121.35	117.20	117.12	117.01	122.02	121.99	117.03	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	7	7	7	0	0	7	7	0	0	0
5	Xóm Liếm											
	Cao độ PA	m	122.84	121.35	117.20	117.12	117.01	122.02	121.99	117.03	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	8	8	0	0	0	8	8	0	0	0

IV. Huyện Cao Phong.

1. Xã Thung Nai.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vớ đập					Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7
1	Xóm Mu											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	56	56	0	0	0	56	56	0	0	0
2	Xóm Tiễn											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	15	15	15	0	0	15	15	0	0	0
3	Xóm Mới											
	Cao độ PA	m	122.82	121.33	117.19	117.10	117.00	122.01	121.98	117.02	117.01	117.01

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ				
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA	PA	PA	PA	PA	PA
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00	121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	6	6	0	0	0	6	6	0	0	0	0
2	Xóm Tiểu Khu												
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00	121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	117.00
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	18	18	18	0	0	18	18	0	0	0	0

2. Phường Thái Bình.

STT	Tên công trình	Đơn vị	Số lượng kích bản vỡ đập						Số lượng kích bản xả lũ					
			PA1.3	PA4.3	PA9.3	PA10.3	PA6.3	PA XL3.1	PA XL3.2	PA XL3.3	PA XL3.4	PA XL3.7		
1	Tổ Vôi													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00	121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	13	13	0	0	0	13	13	0	0	0	0	
2	Tổ Thấu													
	Cao độ PA	m	122.80	121.31	117.17	117.05	117.00	121.99	121.96	117.00	117.00	117.00	117.00	
	Tổng số hộ phải sơ tán	Hộ	5	5	5	0	0	5	5	0	0	0	0	

VI.3. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của công trình giao thông các cầu chính vượt sông Đà và các hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Hòa Bình (hạ lưu đập Sơn La).

VI.3.1. Hệ thống giao thông cầu vùng hạ lưu.

Tính từ tuyến đập Sơn La đến tuyến đập đập Hòa Bình có tổng cộng 02 cầu vượt sông Đà:

1). Cầu Vạn Bú trên đường tỉnh lộ 279D nối từ thành phố Sơn La - Mường La với chiều dài 1,0km cách tuyến đập Sơn La về hạ lưu là 3,2km, công trình có cao độ mặt cầu là 139,50m. Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu như sau :

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cầu Mường La (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	142.47	Bị ngập qua mặt cầu, có nguy cơ bị cuốn trôi
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	141.00	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	138.47	Không bị ngập qua mặt cầu, công trình an toàn
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	137.51	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	130.68	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	141.29	Bị ngập qua mặt cầu, có nguy cơ bị cuốn trôi
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	140.84	Bị ngập qua mặt cầu, có nguy cơ bị cuốn trôi
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	134.99	Không bị ngập qua mặt cầu, công trình an toàn
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	130.70	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	126.77	nt

Như vậy, đối với cầu Vạn Bú sẽ có bốn kịch bản làm bị ngập và có nguy cơ bị cuốn trôi, do đó kiến nghị UBND tỉnh Sơn La xem xét cho đầu tư xây dựng lại cầu Mường La đảm bảo có cao độ mặt cầu phải cao hơn 142,47m (PA1.3).



2). Cầu Tạ Khoa vượt sông Đà, tại Km 38, Tỉnh lộ 113, QL 37, tỉnh Sơn La, cầu Tạ Khoa dài 581,3m, tuyến dài 1058,7m, công trình có cao độ mặt cầu là 136,30m, cách tuyến đập Sơn La về hạ lưu là 55km.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cầu như sau :

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cầu Mường La (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	133.48	Không bị ngập qua mặt cầu, công trình an toàn
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	130.88	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	128.68	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	127.42	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	122.13	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	132.47	nt
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	131.79	nt
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	125.70	nt
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	122.18	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	119.62	nt

Như vậy, các kịch bản giả định vỡ đập, xả lũ thủy điện Sơn La nêu trên đều không ảnh hưởng đến việc ngập cầu Tạ Khoa, không làm ảnh hưởng đến cầu do vị trí đã cách xa tuyến đập Sơn La.

3). Bến Phà:

Phà Vạn Yên nằm trên QL43 bắc qua sông Đà nối huyện Mộc Châu với huyện Phù Yên của tỉnh Sơn La.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình, đặc biệt với bến phà Vạn Yên như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí phà Vạn Yên(m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	124,92	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	122,86	Không bị ngập khu nhà điều hành
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	119,48	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	119,04	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	117,79	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	124,20	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	124,04	Bị ngập khu nhà điều hành bến phà Vạn Yên 2000m ²
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	118,71	Không bị ngập khu nhà điều hành
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	117,84	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	117,37	nt

Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến phà khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũr tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, sơ tán người và tài sản khu nhà điều hành lên cao khỏi cao trình ngập ít nhất 02m theo kịch bản bản thông báo đã được đánh dấu sơn cảnh báo.

4). Cảng thủy nội địa:

- Cảng thủy Bản Két - xã Tạ Bú - huyện Mường La, cảng được Ban quản lý thủy điện Sơn La xây dựng phục vụ vận chuyển thiết bị phục vụ xây dựng công trình thủy điện Sơn La nay thuộc Công ty thủy điện Sơn La quản lý.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cảng như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cảng Bản Kết (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	142,47	Bị ngập toàn bộ khu cảng 14840m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	141,00	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	138,47	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	137,51	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	130,68	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	141,29	nt
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	140,84	nt
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	134,99	nt
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	130,70	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	126,77	nt

Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến cảng khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng, loa cảnh báo xả lũ hạ du của thủy điện Sơn La về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũr tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền (suối Nậm Bú). Công ty thủy điện Sơn La chủ động ứng phó sơ tán người và tài sản khu cảng lên cao khỏi cao trình ngập ít nhất 02m theo kịch bản bản thông báo đã được đánh dấu son cảnh báo. Đặc biệt khu vực này ngay gần tuyến đập Sơn La nên mức độ phá hủy sẽ rất lớn do đó cần sơ tán khẩn cấp người lên vùng an toàn theo sơ đồ đã chi tiết trong phụ lục 05.

- Cảng Tà Hộc: Thuộc bản Hộc - xã Tà Hộc - huyện Mai Sơn. Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án, đánh giá mức độ ảnh hưởng đến an toàn công trình cảng như sau:

Stt	Kịch bản xảy ra	Cao độ ngập tại vị trí cảng Bản Kết (m)	Đánh giá mức độ ảnh hưởng
1	Kịch bản vỡ đập PA1.3	135,61	Bị ngập toàn bộ khu cảng 6940m ²
2	Kịch bản vỡ đập PA4.3	133,04	nt
3	Kịch bản vỡ đập PA9.3	130,86	nt
4	Kịch bản vỡ đập PA10.3	129,51	nt
5	Kịch bản vỡ đập P6.3	123,48	nt
6	Kịch bản xả lũ XL3.1	134,55	nt
7	Kịch bản xả lũ XL3.2	133,74	nt
8	Kịch bản xả lũ XL3.3	127,52	nt
9	Kịch bản xả lũ XL3.4	123,51	nt
10	Kịch bản xả lũ XL3.7	120,46	Không bị ngập

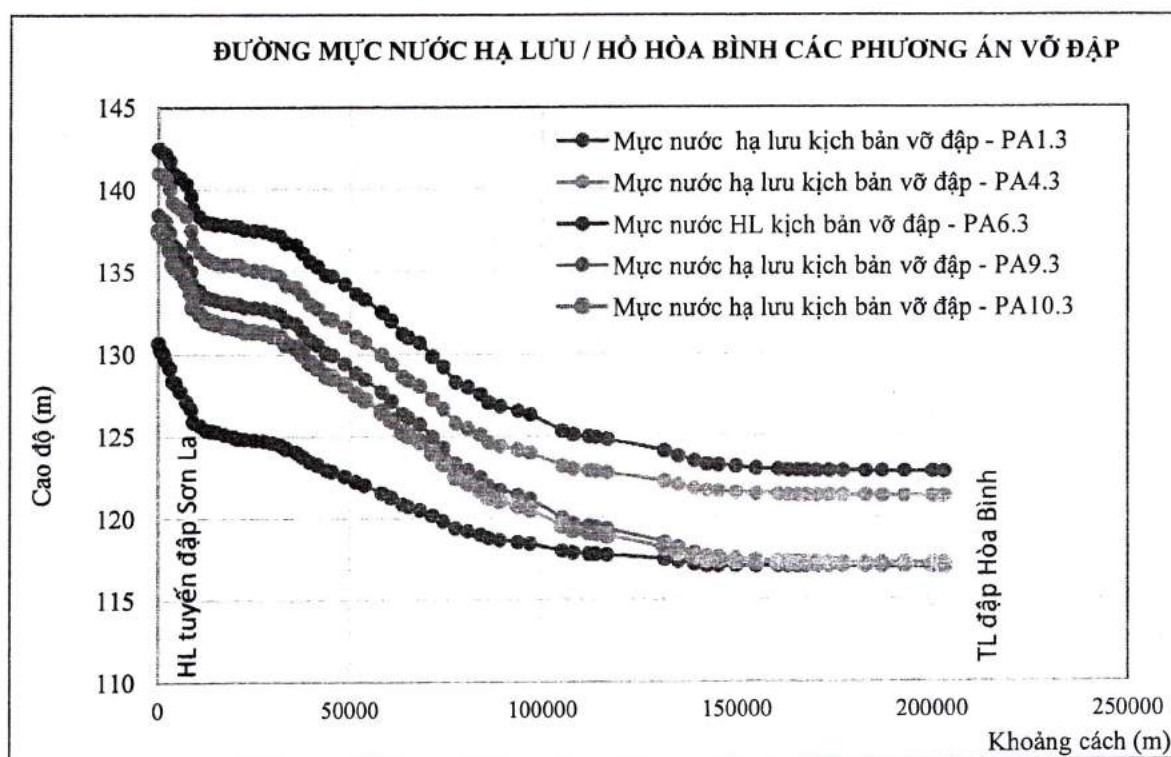
Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực bến cảng khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng, loa cảnh báo xả lũ hạ du của thủy điện Sơn La về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

- Bến cảng khu vực tỉnh Hòa Bình (Chợ bờ, Thung nai; Bình Thanh; Hiền Lương, Bích Hạ, Ba Cấp): khu vực tỉnh Hòa Bình đoạn từ Km120 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp, nước dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền đang hoạt động tại các bến cảng thực hiện nới dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

5). *Bến thủy nội địa:*

Số bến thủy nội bộ hạ lưu thủy điện Sơn La (lòng hồ Hòa Bình) với 135 bến phân bố trên địa bàn các bản thuộc 42 xã thuộc hai tỉnh Sơn La, Hòa Bình.

Trên cơ sở đường mặt nước lũ tính toán tương ứng với từng kịch bản giả định vỡ đập và xả lũ trong Phương án:



Các tàu thuyền đang hoạt động tại các vị trí bến thủy khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt các hoạt động trong phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phía hạ lưu (khu vực tỉnh Sơn La), theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao.

Khu vực tỉnh Hòa Bình đoạn từ K100 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp, nước dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền đang hoạt động tại các bến thủy nội địa thực hiện nối dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

6). Hoạt động khai thác cát trong lòng hồ Hòa Bình:

Trên lòng hồ Hòa Bình có 03 vị trí được cấp phép thăm dò và khai thác cát sẽ bị ảnh hưởng trực tiếp của các kịch bản xả lũ cũng như tình huống vỡ đập:

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sơn Hà Phát tại vị trí tọa độ (x : 2365442,00 ; y = 516277,00 thực hiện theo giấy phép thăm dò số 226/GP-BCT ngày 23/6/2022 do Bộ Công thương cấp.

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty cổ phần Phú Lâm Phù Yên tại 04 vị trí có tọa độ : Vị trí 1 (x = 2354702,49 ; y = 522710,62), Vị trí 2 (x = 2356133,32 ; y = 521201,13), Vị trí 3 (x = 2357551,45 ; y = 519457,98), Vị trí 4 (x = 2347043,35 ; y = 535663,30) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 514/GP-BCT ngày 07/11/2022 do Bộ Công thương cấp.

- Hoạt động thăm dò, khai thác của Công ty TNHH Quang Phóng Tây bắc tại 02 vị trí có tọa độ : Vị trí 1 (x = 2358594,00 ; y = 517983,00), Vị trí 2 (x = 2353707,00 ; y = 523754,00) thực hiện theo giấy phép thăm dò số 331/GP-BCT ngày 07/10/2022 do Bộ Công thương cấp.

Các tàu thuyền đang hoạt động thăm dò, khai thác cát tại các vị trí khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũr tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt các hoạt động khai thác cát này nằm trong phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phí hạ lưu, theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao.

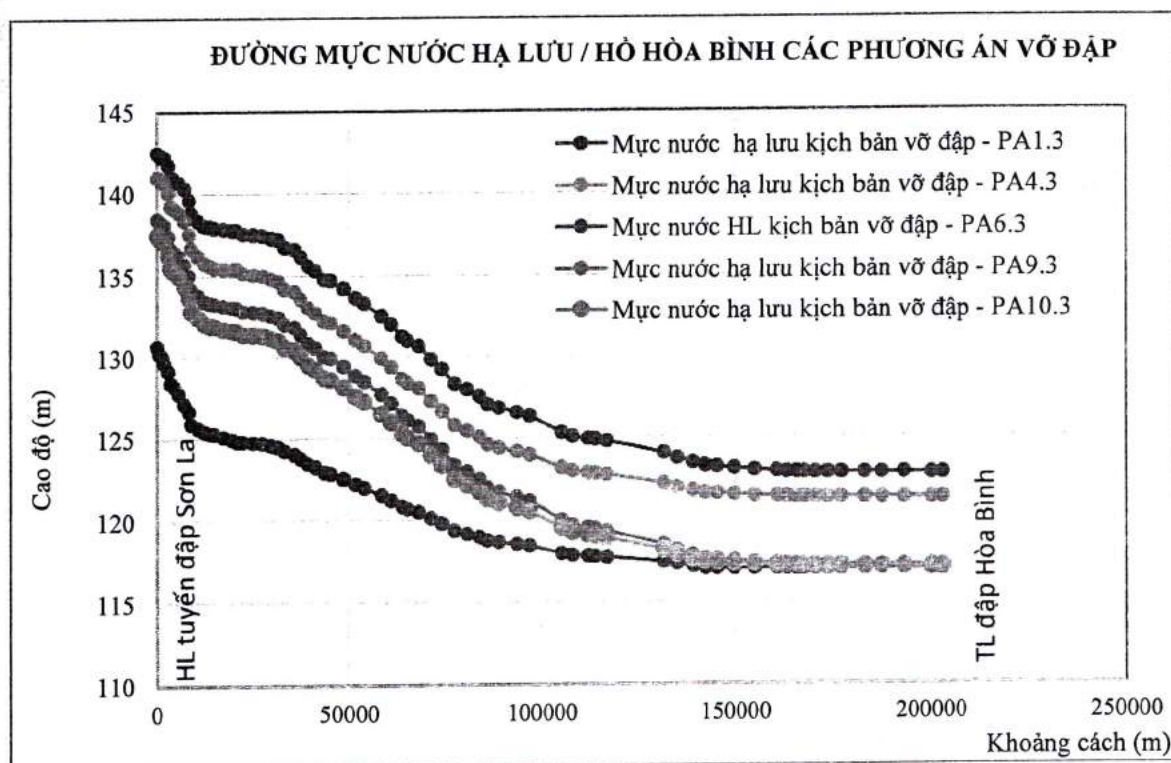
VI.3.2. Hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Hòa Bình (hạ lưu đập Sơn La).

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Hòa Bình khu vực tỉnh Sơn La: Đặc biệt từ khu vực huyện Bắc Yên ÷ huyện Vân Hồ) cách tuyến đập Sơn La từ Km55 ÷ Km117 có 996 lồng cá sẽ bị ảnh hưởng với các tình huống khẩn cấp vỡ đập và xả lũ, khu vực này có độ dốc mặt nước lũ lớn sẽ bị cuốn trôi các lồng cá khi có xảy ra các tình huống vỡ đập hoặc xả lũ theo Phương án. Phương án ứng phó khu vực này khi nhận được thông báo các hoạt động tại các lồng cá cần khẩn trương sơ tán lên bờ.

Stt	Địa bàn huyện	Đơn vị	Số lượng lồng cá
1	Bắc Yên	Cái	24
2	Phù Yên	Cái	477

3	Mộc Châu	Cái	337
4	Vân Hồ	Cái	158
Tổng		Cái	996

- Nuôi thủy sản khu vực tỉnh Hòa Bình: Khu vực tỉnh Hòa Bình với khoảng 900 lồng cá, tuy nhiên khoảng cách Km1200 đến km200 (lồng hồ khu vực tỉnh Hòa Bình) đường mặt nước tương đối phẳng, độ dốc mặt nước nhỏ nên chỉ diễn ra hiện tượng dâng mực nước do ảnh hưởng của hồ Hòa Bình mà không có hiện tượng chảy xiết do đó không cuốn trôi các bè cá. Phương án ứng phó cho các bè cá, các hộ nuôi thủy sản theo dõi thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra để điều chỉnh dây nịt lồng cá để lên xuống theo mực nước hồ Hòa Bình.



- Hoạt động tàu thuyền trên lòng hồ Hòa Bình (Hạ lưu đập Sơn La): Các tàu thuyền đang hoạt động trên lòng hồ Hòa Bình kể từ hạ lưu đập Sơn La đến tuyến đập Hòa Bình khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền. Đặc biệt phạm vi từ hạ lưu tuyến đập Sơn La đến km100 về phía hạ lưu, theo tính toán đoạn này độ dốc mặt nước lớn nên dòng chảy xiết (dạng lũ quét) nên mức độ phá hủy cao, đoạn từ Km100 đến Km200 tuyến đập Hòa Bình độ dốc mặt nước thấp nước dâng lên theo mực nước hồ, tốc độ dòng chảy rất nhỏ nên sẽ không cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền, các chủ tàu thuyền thực hiện nới dây neo thuyền để thuyền dâng lên theo mực nước hồ.

- Công tác thông báo cảnh báo cho khu vực hạ lưu : Khi có các tình huống xả lũ, vỡ đập thủy điện Sơn La, Công ty thủy điện Sơn La kịp thời thông báo cho Ban PCTT tỉnh Sơn La, Hòa Bình, theo quy chế phối hợp hàng năm để Ban PCTT các tỉnh kịp thời thông báo cho địa phương bị ảnh hưởng theo quy định quản lý nhà nước.

Đồng thời Công ty TĐ Sơn La sẽ kết hợp cùng Công ty thủy điện Hòa Bình sử dụng tàu cao tốc của hai Công ty đi thông báo bằng loa cho các tàu thuyền, các hộ dân trên lòng hồ kịp thời di chuyển lên bờ khi mà sự cố vỡ đập và xả lũ hồ Sơn La có thể xảy ra từ thông tin tính toán dự báo của Tổng cục KTTV cung cấp và Công điện xả lũ của Ban Chỉ huy TW PCTT.

Công ty thủy điện Sơn La và Công ty thủy điện Hòa Bình thực hiện phối hợp đi thông báo cho các hộ dân trên lòng hồ Hòa Bình đang trên các bè cá, thuyền và các hoạt động khác để kịp thời di chuyển lên khỏi lòng hồ theo quy chế phối hợp do Tập đoàn ban hành năm 2021.

VI.4. Hoạt động dân sinh kinh tế trên lòng hồ thủy điện Sơn La (thượng lưu đập Sơn La).

1). Bến phà Nậm É: Phà Nậm É thuộc xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai.

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn trôi các tàu thuyền đang hoạt động tại vị trí bến phà. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo giữ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

2). Bến thủy nội địa:

Phạm vi bị ảnh hưởng trực tiếp sau đập sẽ sinh dòng chảy lũ khi xảy ra tình huống vỡ đập hoặc xả lũ thủy điện Sơn La,

- Bến cảng du lịch Pá Uôn thuộc xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai do Công ty cổ phần Cơ khí Sơn La đầu tư, quản lý.

- Bến khách ngang sông: huyện Quỳnh Nhai có 69 bến, huyện Thuận Châu có 14 bến, huyện Mường La có 24 bến.

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn trôi các tàu thuyền đang hoạt động tại vị trí bến thủy nội địa này. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo giữ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền.

3). Hoạt động nuôi thủy sản.

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Sơn La khu vực tỉnh Sơn La: Đặc biệt từ khu vực huyện Quỳnh Nhai ÷ đập Sơn La) cách tuyến đập Sơn La 50km có khoảng 6316 lồng cá sẽ bị ảnh hưởng với các tình huống khẩn cấp vỡ đập và xả lũ sẽ có nguy cơ cuốn chôi.

Stt	Địa bàn huyện	Đơn vị	Số lượng lồng cá
1	Quỳnh Nhai	Cái	4357
2	Thuận Châu	Cái	902
3	Mường La	Cái	1057
Tổng		Cái	6316

Đây là khu vực ngay sau đập nên khi xảy ra tình huống vỡ đập hay xả lũ với lưu lượng lớn sẽ tạo độ dốc mặt nước lớn dẫn đến vận tốc dòng chảy sẽ xiết và làm cuốn chôi các bè cá. Phương án ứng phó cho các hộ dân đang trên các bè cá kịp thời chạy lên khỏi mặt nước khi nhận được thông báo thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra, điều chỉnh dây nịt bè cá để lên xuống theo mực nước hồ Sơn La.

- Nuôi thủy sản trong các lồng cá trong lòng hồ Sơn La khu vực tỉnh Lai Châu, Điện Biên: Phạm vi khu vực này cách xa khu vực tuyến đập nên khi xảy ra các kịch bản vỡ đập, xả lũ vận tốc dòng chảy sẽ không bị chảy xiết (độ dốc mặt nước nhỏ) nên mức độ ảnh hưởng cuốn trôi các lồng cá sẽ không bị. Phương án ứng phó, khi nhận được thông báo thông báo tình huống vỡ đập, xả lũ có thể xảy ra, điều chỉnh dây nịt bè cá để lên xuống theo mực nước hồ Sơn La.

4). Hoạt động tàu thuyền trên lòng hồ Sơn La (thượng lưu đập Sơn La):

Các tàu thuyền đang hoạt động trên lòng hồ Sơn La khi nhận được thông báo cảnh báo từ hệ thống cảnh báo PCTT của địa phương, điện thoại, thông tin công cộng về tình huống vỡ đập, xả lũ của thủy điện Sơn La, cần di chuyển vào các phụ lưu, khe suối không chịu trực tiếp vận tốc dòng chảy để neo dũ tàu thuyền để không bị nước lũ cuốn trôi hay làm lật tàu thuyền,

5). Công tác thông báo cảnh báo cho khu vực thượng lưu:

Khi có các tình huống xả lũ, vỡ đập thủy điện Sơn La, Công ty thủy điện Sơn La kịp thời thông báo cho Ban PCTT tỉnh Sơn La, Điện Biên, Lai Châu theo quy chế phối hợp hàng năm để Ban PCTT các tỉnh kịp thời thông báo cho địa phương bị ảnh hưởng theo quy định quản lý nhà nước.

Đồng thời Công ty TĐ Sơn La sẽ sử dụng tàu cao tốc của Công ty đi ngược về phía lòng hồ thông báo bằng loa cho các tàu thuyền, các hộ dân trên lòng hồ kịp

thời di chuyển lên bờ khi mà sự cố vỡ đập và xả lũ hồ Sơn La có thể xảy ra từ thông tin tính toán dự báo của Tổng cục KTTV cung cấp.

VII. Nội dung, hình thức cảnh báo; trách nhiệm truyền tin của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Nội dung, hình thức cảnh báo

1.1. Nội dung cảnh báo

- Lưu lượng về hồ.
- Mức nước hồ.
- Thời điểm xả lũ (trước 02 tiếng).
- Lưu lượng xả lũ.
- Kịch bản dự kiến phương án ứng phó.
- Dự kiến mực nước hạ lưu tăng theo các kịch bản.

1.2. Hình thức cảnh báo

Còi, loa cảnh báo lũ, điện thoại, tin nhắn, xe truyền thông di động, đài phát thanh truyền hình các cấp, fax, email, sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo) để truyền tin, văn bản để lưu hồ sơ.

Hệ thống loa cảnh báo lũ vùng hạ dung được Công ty đã lắp đặt và đưa vào vận hành 14 hệ thống loa cảnh báo vùng hạ du bị ảnh hưởng vận hành điều tiết hồ chứa Sơn La thường xuyên tại các bản ven sông của các xã Tạ Bú, Chiềng San, Chiềng Hoa, Mường Chùm huyện Mường La, tỉnh Sơn La

2. Trách nhiệm truyền tin của các tổ chức, cá nhân liên quan

- Công ty Thủy điện Sơn La có trách nhiệm thông báo, cảnh báo tình trạng công trình và ứng xử của Công ty trong công tác điều tiết lũ. Cảnh báo mức độ ảnh hưởng đối với khu vực hạ du công trình đến UBND tỉnh Sơn La, Hòa Bình, thông báo đến Ban chỉ huy PCTT và TKCN các tỉnh Sơn La và Hòa Bình.

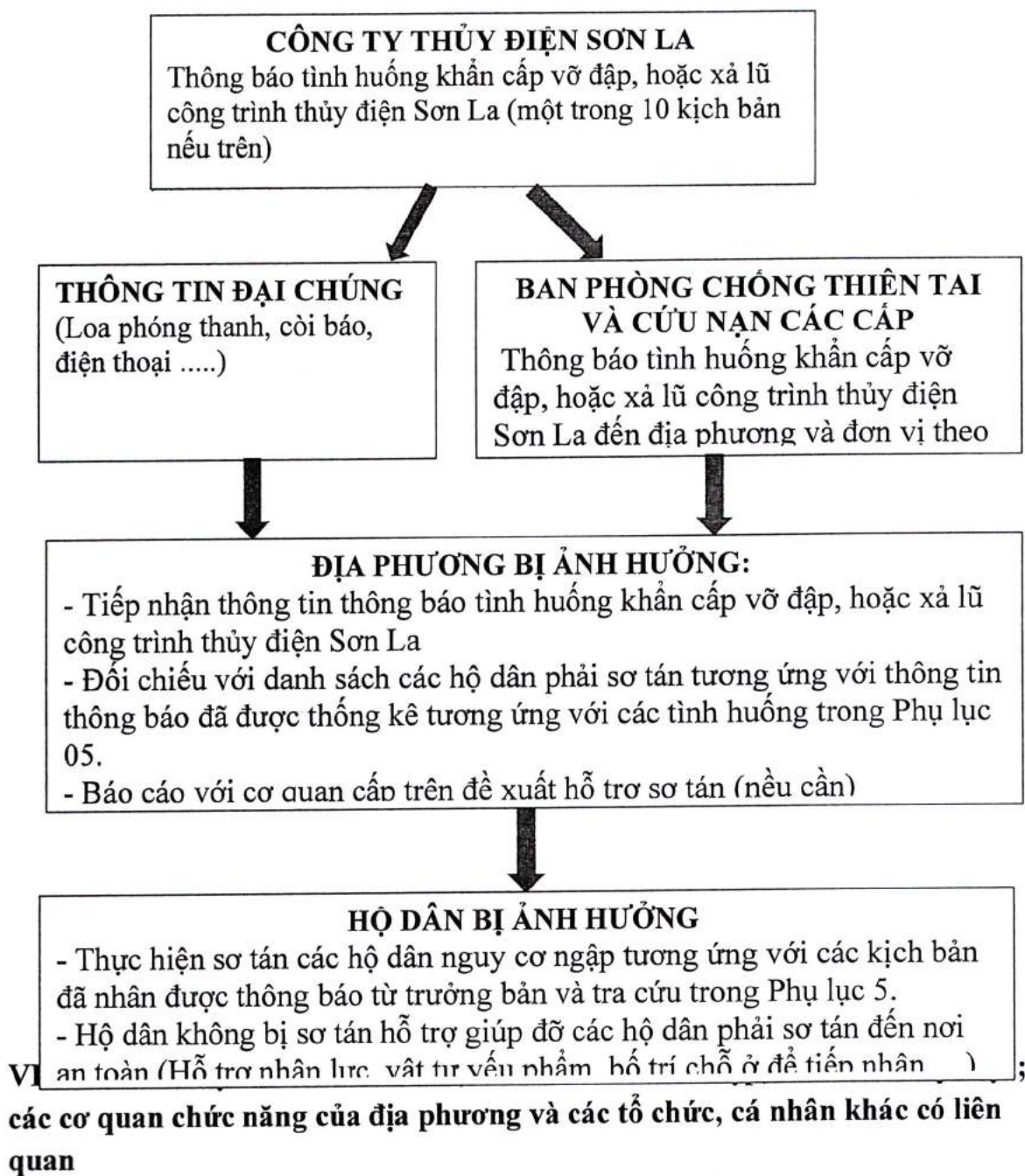
- Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, xã vùng hạ du thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du; Đài phát thanh truyền hình tỉnh đưa tin thông báo, cảnh báo sâu rộng trong nhân dân; Ban chỉ huy PCTT và TKCN các tỉnh Sơn La và Hòa Bình thông báo đến Ban chỉ huy PCTT và TKCN địa phương theo quản lý ngành triển khai công tác phòng chống thiên tai theo đúng chức năng nhiệm vụ.

- Ủy ban nhân dân các xã vùng hạ du có trách nhiệm thông báo, cảnh báo đến nhân dân trong xã thời điểm và lưu lượng xả lũ của nhà máy; Cảnh báo mức độ ảnh hưởng của nước lũ đến khu vực hạ du; Chỉ đạo, yêu cầu nhân dân khu vực có nguy cơ ảnh hưởng di chuyển đến khu vực an toàn; Thông báo cho phía Công ty tình trạng

an toàn hạ du để phối hợp trong công tác điều tiết; Báo cáo Ủy ban nhân dân huyện công tác ứng phó với tình huống xả lũ khẩn cấp của nhà máy và yêu cầu hỗ trợ khi cần thiết.

- Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã hạ du thực hiện công tác đảm bảo an toàn cho nhân dân vùng hạ du; Đài phát thanh truyền hình huyện đưa tin thông báo, cảnh báo sâu rộng trong nhân dân; Các cơ quan ban ngành trong huyện triển khai công tác phòng chống thiên tai theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Sơ đồ triển khai công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp.



VIII.1. Trách nhiệm của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.
- Chỉ đạo Công ty thủy điện Sơn La, Hòa Bình, Huội Quảng – Bản Chát tổ chức ứng phó với tình huống khẩn cấp.
- Báo cáo Bộ Công thương, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa Sơn La khi có sự cố xảy ra.
- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc cung cấp, phân phối hệ thống điện, vận hành các nhà máy điện được an toàn và đảm bảo hệ thống điện Quốc gia.

VIII.2. Trách nhiệm của Công ty Thủy điện Sơn La

- Tổ chức thu thập, theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn.
- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra thực tế tình trạng công trình, thiết bị, tình hình sạt lở vùng hồ và có các biện pháp khắc phục kịp thời các hư hỏng để bảo đảm tình trạng, độ tin cậy làm việc bình thường, an toàn của công trình và thiết bị.
- Tổ chức, huy động lực lượng trực, sẵn sàng triển khai công tác khi cần thiết.
- Tổ chức việc kiểm tra, đánh giá toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự, lập kế hoạch xả nước như sau:
 - + Tình trạng làm việc của các công trình thủy công và hồ chứa.
 - + Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị chính, phụ và công trình liên quan đến công tác vận hành xả lũ.
 - + Các thiết bị, bộ phận công trình liên quan tới đảm bảo vận hành an toàn của các tổ máy phát điện.
 - + Các nguồn cung cấp điện (kể cả nguồn điện dự phòng).
 - + Phương án và các phương tiện thông tin liên lạc.
 - + Các nguồn vật liệu dự phòng, phương án huy động nhân lực, các thiết bị và phương tiện vận chuyển, các thiết bị và phương tiện cần thiết cho xử lý sự cố.
 - + Các dụng cụ cứu sinh, dụng cụ bơi.
 - + Công tác tính toán thủy văn, các tài liệu và phương tiện cần thiết cho tính toán điều tiết hồ chứa.
 - + Diễn tập và kiểm tra quy trình, kỹ thuật xả lũ cho các chức danh có liên quan như tính toán, đóng mở cửa van, thông báo thử.
- Phối hợp với các cơ quan ở địa phương của tỉnh Sơn La, Hòa Bình để thông báo và tuyên truyền đến nhân dân vùng hạ du những thông tin và điều lệnh về công tác phòng chống lụt bão của hồ chứa thủy điện Sơn La, đặc biệt là với nhân dân sinh

sống gần hạ lưu công trình.

- Trước khi vận hành mở các cửa xả đầu tiên phải thông báo trước 02 giờ đến Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và nhân dân sinh sống ở khu vực hạ lưu Công trình thủy điện Sơn La để chủ động phòng tránh.

- Trước khi xả nước khẩn cấp để đảm bảo an toàn cho công trình đầu mối, phải báo cáo Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La; Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La; Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia và thông báo cho các chủ đập ở phía thượng, hạ lưu Công trình thủy điện Sơn La để kịp thời phối hợp, có ứng xử cần thiết.

- Thông báo đến Công ty thủy điện Hòa Bình các tình huống khẩn cấp theo quy định tại Quyết định số 717/QĐ-EVN ngày 04/6/2021 về việc ban hành Quy định phối hợp giữa các Công ty thủy điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam trên lưu vực sông Đà trong công tác đảm bảo an toàn công trình và vận hành điều tiết các hồ chứa thủy điện.

VIII.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

- Thường trực theo dõi diễn biến trong quá trình xả lũ.
- Chỉ đạo kịp thời UBND huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và Công ty Thủy điện Sơn La ứng phó khi có sự cố xảy ra;
- Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;
- Kịp thời huy động lực lượng ứng phó khi có đề nghị của UBND huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp trên;
- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai huyện Mường La, Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Bắc Yên, Phù Yên và các địa phương, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.
- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Hòa Bình thường trực theo dõi diễn biến trong quá trình xả lũ, đồng thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Sơn La.

- Chỉ đạo kịp thời UBND thành phố Hòa Bình, UBND các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong ứng phó khi có sự cố xảy ra;

+ Kịp thời huy động lực lượng ứng phó khi có đề nghị của UBND thành phố Hòa Bình, UBND các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp trên;

+ Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thành phố Hòa Bình; các huyện: Đà Bắc, Mai Châu, Tân Lạc, Cao Phong và các địa phương, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh;

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.5. Trách nhiệm của Sở Công thương tỉnh Sơn La

- Kiểm tra, giám sát Công ty Thủy điện Sơn La thực hiện các quy định trong Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra trong công tác thực hiện các quy định tại Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt điều chỉnh Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La khi phát hiện những bất cập, hạn chế. Xử lý các vi phạm theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh Sơn La trong trường hợp phát hiện những vi phạm các quy định trong phương án này.

VIII.6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La

Đôn đốc, hướng dẫn Công ty thủy điện Sơn La chấp hành việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước theo quy định tại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt và quy định pháp luật khác về tài nguyên nước có liên quan.

Chủ trì tổ chức lập Phương án ứng phó môi trường vùng hạ du và thượng lưu đập thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Sơn La sau khi xảy ra tình huống vỡ đập hoặc xả lũ thủy điện Sơn La.

VIII.7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La

- Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, với vai trò là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Khi nhận được thông báo sự cố mất an toàn đập hồ chứa nước công trình thủy điện Sơn La của Công ty Thủy điện Sơn La, chủ động tham mưu Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh triển khai ngay các biện pháp đối phó phù hợp với từng tình huống nhằm hạn chế tác hại do sự cố đập gây ra.

- Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác diễn tập, phòng chống thiên tai.

- Tham mưu cho UBND tỉnh Sơn La tổ chức công tác diễn tập phòng chống thiên tai hàng năm cho các địa phương bị ảnh hưởng theo từng cấp độ của các kịch bản xả lũ trong phương án.

VIII.8. Trách nhiệm của Công an tỉnh Sơn La

- Tăng cường chỉ đạo, thực hiện công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực khi xảy ra các tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Hỗ trợ công tác ứng phó thiên tai, ứng phó khẩn cấp khi có sự đề nghị của Công ty Thủy điện Sơn La hoặc các tổ chức cá nhân có liên quan trong công tác đảm bảo an toàn đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

VIII.9. Trách nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sơn La

- Với vai trò là Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chủ động tham mưu với Trưởng Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh nói chung và khu vực công trình thủy điện Sơn La nói riêng.

- Tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia hỗ trợ công tác ứng phó với tình huống khẩn cấp đập, hồ chứa thủy điện Sơn La khi xảy ra thiên tai hoặc các tình huống mất an toàn đập, hồ chứa có nguy cơ mất toàn cho nhân dân và vùng hạ du.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan nắm và thông báo kịp thời tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tình hình liên quan đến âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng chống phá có ảnh hưởng đến vận hành, an toàn đập, hồ chứa thủy điện Sơn La.

- Hàng năm tham mưu nội dung điều hành, tập huấn cho các tổ chức liên quan về công tác phòng chống ứng phó và tổ chức diễn tập để chủ động ứng phó.

VIII.10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện vùng hạ du

- Sau khi nhận được thông báo của Công ty Thủy điện Sơn La, UBND các huyện kiểm tra tình hình thực hiện của UBND các xã trong vùng bị ảnh hưởng.

- Chỉ đạo các cơ quan liên quan, UBND các xã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Thành lập các tổ ứng phó thiên tai tại đơn vị Bản và có thể được trang bị các vật tư thiết bị cần thiết để đáp ứng PAUP. Các tổ ứng phó tại địa bàn Bản sẽ là nòng cốt ứng phó khi nhận được thông tin từ cấp xã và phát huy tốt nhân vật lực tại chỗ.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các xã, các tổ chức liên quan phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La trong công tác phòng, chống thiên tai và vận hành Công trình thủy điện Sơn La.

- Tổ chức lực lượng sẵn sàng ứng phó khi có đề nghị của UBND cấp xã, phối hợp với Công ty Thủy điện Sơn La để xử lý sự cố, đồng thời báo cáo UBND cấp tỉnh.

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã vùng hạ du

- Theo dõi chặt chẽ tình hình diễn biến khí tượng thủy văn trong khu vực, nâng cao cảnh giác trong trường hợp mưa lớn dài ngày.

- Khi có thông báo xả lũ của Công ty Thủy điện Sơn La, nhanh chóng thông báo cho toàn bộ nhân dân vùng hạ du biết để có phương án đảm bảo an toàn; có hình thức cưỡng chế di dời khi cần thiết.

- Chuẩn bị vị trí và đề xuất cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng, nâng cấp trường học, trạm y tế, công trình công cộng, có tính đến nhu cầu kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai.

- Kiểm tra, chủ động tổ chức ứng phó khi có sự cố hạ du xảy ra và báo cáo tình hình, đề nghị hỗ trợ (nếu có) với UBND cấp trên đồng thời thông báo các thông tin cho Công ty Thủy điện Sơn La.

- Kiểm tra nắm rõ các vùng, khu dân cư có khả năng dễ xảy ra ngập lụt, thành lập đội xung kích thôn bản. Huy động mọi phương tiện, vật tư, hậu cần để giúp di dời người và tài sản.

Tuyên truyền cho người dân trong vùng lòng hồ Hòa Bình nắm bắt được các kịch bản ngập đã được thống kê các đối tượng bị ảnh hưởng trong Phụ lục 05 của Phương án để biết phương án sơ tán.

- Công tác chỉ huy, đánh giá, thống kê thiệt hại, triển khai khắc phục, nguồn lực huy động khắc phục, đánh giá thực hiện phương án cùng với Ban phòng chống thiên tai các cấp.

VIII.12. Trách nhiệm của nhân dân các xã vùng hạ du đập:

Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình mưa lũ, các tình huống bất thường về thời tiết, thực hiện kịp thời và nghiêm túc các quyết định, hướng dẫn của BCH PCTT&TKCN xã trong công tác ứng cứu, di dời trong các tình huống khẩn cấp.

Khi có lũ, mọi người dân phải giúp đỡ lẫn nhau, người có phương tiện phải giúp đỡ người không có phương tiện, người có nhà cao phải giúp đỡ những gia đình ở nơi thấp lụt.

IX. Phương án huy động vật tư, phương tiện, nhân lực khi xảy ra tình huống khẩn cấp.

Thực hiện theo phương châm “4 tại chỗ” gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phòng, ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả sau thiên tai tiến tới giảm thiệt hại về người, cơ sở vật chất và tài sản của nhân dân do thiên tai gây ra trên cơ sở dựa vào nguồn lực tại chỗ,

IX.1. Công tác chuẩn bị nhân lực

IX.1.1. Trách nhiệm Công ty thủy điện Sơn La chuẩn bị nhân lực ứng phó tại tuyến công trình thủy điện Sơn La.

- Thành lập và phân công nhiệm vụ Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Công ty Thủy điện Sơn La.

- Thành lập Đội xung kích PCTT&TKCN Công ty Thủy điện Sơn La. *(Chi tiết tại Phụ lục 06 kèm theo).*

- Tổ chức bồi dưỡng và huấn luyện, kiểm tra nhân viên vận hành các chức danh, đồng thời tổ chức diễn tập sự cố vận hành đập tràn;

- Hiện nay, chế độ trực của nhà máy bố trí theo chế độ 3 ca, 6 kíp, mỗi ca trực vận hành bình thường có 7-8 NVVH, trong mùa mưa lũ yêu cầu NVVH trực tăng cường kiểm tra 3 lần/ca khu vực đập tràn. Khi có thao tác vận hành đập tràn, Công ty sẽ cử bổ sung thêm nhân viên trực vận hành và nhân viên PXSC hỗ trợ xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện phiếu thao tác nâng/hạ cửa xả.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố nguy hiểm sẽ huy động nhân lực cả Công ty và đề nghị hỗ trợ thêm lực lượng từ các đơn vị lực lượng tại địa phương theo Quy chế phối hợp vận hành đã ký kết.

IX.1.2. Trách nhiệm địa phương chuẩn bị nhân lực ứng phó tại địa phương vùng hạ du (lòng hồ thủy điện Hòa Bình).

Khi nhận được thông báo khả năng vỡ đập hoặc phương án xả lũ từ Công ty thủy điện Sơn La theo các kịch bản, chính quyền địa phương và ban PCTT tại địa

phương chủ động huy động nhân lực tại chỗ và lên kế hoạch huy động nhân lực hỗ trợ như đã nêu trong **Phụ lục 05**.

IX.2. Công tác chuẩn bị dụng cụ, phương tiện phục vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

IX.2.1. Phạm vi thuộc trách nhiệm Công ty thủy điện Sơn La.

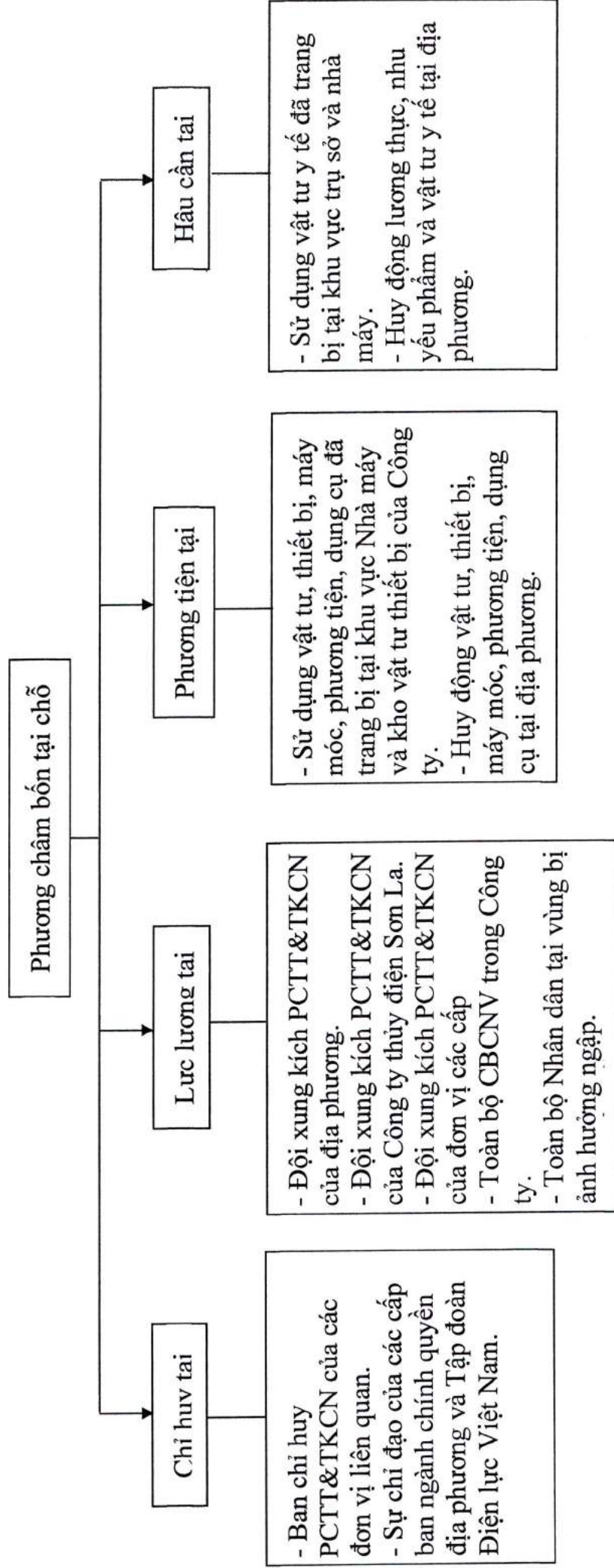
Để công tác phòng chống thiên tai đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn cho người và công trình trong mùa mưa lũ, Công ty đã tiến hành mua sắm các loại vật tư, vật liệu dự phòng, dụng cụ, thiết bị, xe máy (*Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo*).

Ngoài các trang thiết bị, phương tiện kể trên, khi cần thiết Công ty sẽ huy động thêm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất trong Công ty và từ thị trấn Mường La để đáp ứng kịp thời trong những trường hợp khẩn cấp, Các vị trí tập kết vật tư, vật liệu, máy móc dụng cụ, ... đều được bố trí ngay tại nhà máy và xung quanh nhà máy (không quá 2km) thuận lợi cho việc huy động khi xảy ra sự cố.

IX.2.2. Phạm vi trách nhiệm địa phương tại vùng ngập.

Khi nhận được thông báo khả năng vỡ đập hoặc phương án xả lũ từ Công ty thủy điện Sơn La theo các kịch bản, chính quyền địa phương và ban PCTT tại địa phương chủ động huy động dụng cụ, phương tiện phục tại chỗ và lên kế hoạch huy động hỗ trợ từ PCTT từ vùng không bị ảnh hưởng, PCTT cấp trên như trong sơ đồ huy động vật tư, phương tiện, nhân lực và nêu trong **Phụ lục 05**.

Hình. Sơ đồ huy động vật tư, phương tiện, nhân lực



X. Danh bạ điện thoại và các hình thức liên lạc khác giữa chủ sở hữu đập, hồ chứa thủy điện; tổ chức khai thác đập, hồ chứa; chính quyền và các cơ quan chức năng của địa phương; các cơ quan khác có liên quan đến vận hành an toàn đập, hồ chứa.

1. Ban chỉ huy PCTT&TKCN Công ty Thủy điện Sơn La

TT	Họ và Tên	Chức danh	Chức vụ - Đơn vị	Số điện thoại	Ghi chú
I Danh sách các thành viên Công ty Thủy điện Sơn La					
1	Khương Thế Anh	Trưởng Ban	Giám đốc	0962552888	Chỉ đạo, điều hành chung
2	Nguyễn Xuân Phong	Phó Ban	Phó Giám đốc	0983220985	Trực tiếp tại NMTĐ Sơn La
3	Đỗ Việt Bách	Ủy viên TT	Trưởng phòng KTAT	0969596989	
4	Trần Văn Phước	Ủy viên	PP. KTAT	0978158197	
5	Lê Quế Lâm	Ủy viên	PP. KTAT	0969605818	
6	Bùi Quang Thế	Ủy viên	PP. KTAT	0977594668	Thư ký
7	Lê Văn Tùng	Ủy viên	CB phụ trách an toàn. P.KTAT	0975542779	Khu vực Sơn La
8	Vũ Ngọc	Ủy viên	Kỹ sư TVMT P.KTAT	0966834686	
9	Nguyễn Thị Thanh Quý	Ủy viên	Kế toán trưởng	0963059666	
10	Vũ Minh	Ủy viên	TP.HCLĐ	0968188299	
11	Bùi Việt Dũng	Ủy viên	PP. HCLĐ	0963559340	Khu vực Sơn La
12	Nguyễn Văn Tiệp	Ủy viên	PP. HCLĐ	0979787353	Khu vực Sơn La
13	Nguyễn Tuấn Dũng	Ủy viên	Trưởng phòng KHVT	0968115585	
14	Mai Đức Tiệp	Ủy viên	QĐ PXVHSL	0969445200	Khu vực Sơn La
15	Hoàng Văn Tý	Ủy viên	PQĐ PXVHSL	0976528462	Khu vực Sơn La
16	Vi Thanh An	Ủy viên	PQĐ PXVHSL	0984968980	Khu vực Sơn La
17	Nguyễn Việt Anh	Ủy viên	GĐ TTKSATCT trên bậc thang TĐ sông Đà	0977826074	
18	Cầm Kim Thạch	Ủy viên	PGĐ TTKSATCT trên bậc thang TĐ sông Đà	0976812959	Khu vực Sơn La
II Danh sách các thành viên Trung tâm dịch vụ sửa chữa EVN (EVNPSC)					
1	Trần Văn Thừa	Ủy viên	Phụ trách PXSC ĐTĐ -Trưởng đại diện	0986153162	Phụ trách khu vực Sơn La
2	Hoàng Ngọc Minh	Ủy viên	Phụ trách PXSC cơ khí	0983743350	Phụ trách khu vực Sơn La

2. Đội xung kích PCTT&TKCN Công ty thủy điện Sơn La

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại
I		Đội số 1: Đội Trưởng Chủ Ngọc Sơn - 0963.311.863, Đội phó Lâm 0967.149.589, Đội phó Trần Ngọc Đàn - 0966.567.737		
		Kíp 1		
1	1	Nguyễn Mạnh Cường	Trưởng ca	0979.786.917
2	2	Chủ Ngọc Sơn	Trưởng kíp	0963.311.863
3	3	Đào Việt Anh	Trực ĐKTT	0967.481.899
4	4	Nguyễn Doãn Quang	Trực Gian máy	0334.646.000
5	5	Bùi Lâm Tùng	Trực Gian máy	0972.909.939
6	6	Bùi Văn Vinh	Trực Gian máy	0966.061.987
7	7	Đỗ Đức Đạt	Trực Gian máy	0968.538.512
8	8	Nguyễn Thành Lê	Trực TPP	0988.888.244
9	9	Nguyễn Cao Trường	Trực TPP	0968.242.479
		Kíp 2		
10	1	Vũ Đức Lượng	Trưởng ca	0979.578.360
11	2	Lâm Chiến Hào	Trưởng kíp	0967.149.589
12	3	Phạm Hữu Hoàn	Trực ĐKTT	0984.686.745
13	4	Nguyễn Bá Hùng	Trực Gian máy	0335.612.983
14	5	Phạm Văn Tuấn	Trực Gian máy	0983.748.012
15	6	Nguyễn Thế Văn	Trực Gian máy	0966.122.668
16	7	Trần Hoàng Anh	Trực Gian máy	0972.156.959
17	8	Vũ Văn Cường	Trực TPP	0964.947.887
18	9	Phạm Thái Dũng	Trực TPP	0978.651.681
		Kíp 3		
19	1	Đặng Quang Huy	Trưởng ca	0974.221.696
20	2	Ngô Mạnh Hùng	Trưởng kíp	0986.351.790
21	3	Đặng Quang Trung	Trực ĐKTT	0972.735.510
22	4	Nguyễn Hữu Cương	Trực Gian máy	0979.056.351
23	5	Đỗ Trung Kiên	Trực Gian máy	0974.006.377
24	6	Phạm Quốc Phong	Trực Gian máy	0977.067.057
25	7	Nguyễn Văn Vũ	Trực Gian máy	0978.845.385

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại
26	8	Nguyễn Quốc Cường	Trực Gian máy	0938.811.987
27	9	Nguyễn Đình Quyết	Trực Gian máy	0985.126.853
28	10	Nguyễn Việt Thắng	Trực TPP	0975.888.531
		Kíp 4		
29	1	Nguyễn Ngọc Hữu	Trưởng ca	0987.806.534
30	2	Nguyễn Đăng Hoạch	Trực ĐKTT	0976.856.798
31	3	Phan Thành Đa	Trực Gian máy	0904.261.989
32	4	Trần Minh Mừng	Trực Gian máy	0979.816.963
33	5	Nguyễn Phúc Thịnh	Trực Gian máy	0962.162.017
34	6	Ngô Đức Hoàng	Trực Gian máy	0984.854.448
35	7	Nguyễn Gia Chiến	Trực TPP	0348.431.989
36	8	Nguyễn Bình Tuấn	Trực TPP	0987.526.268
		Kíp 5		
37	1	Trần Ngọc Đan	Trưởng ca	0966.567.737
38	2	Lê Tuấn Linh	Trưởng kíp	0976.888.465
39	3	Hà Thành Nam	Trực ĐKTT	0981.019.899
40	4	Lò Văn Thuận	Trực Gian máy	0984.522.626
41	5	Bùi Quang Thượng	Trực Gian máy	0987.456.387
42	6	Lê Văn Tùng	Trực Gian máy	0396.373.333
43	7	Nguyễn Quang Trí	Trực Gian máy	0979.172.236
44	8	Phạm Thế Mạnh	Trực Gian máy	0334.567.000
45	9	Vũ Văn Quỳnh	Trực TPP	0962.202.388
		Kíp 6		
46	1	Nguyễn Văn Tuyền	Trưởng ca	0987.171.322
47	2	Đoàn Xuân Thắng	Trưởng kíp	0343.266.789
48	3	Ngô Tùng Lâm	Trực ĐKTT	0982.150.051
49	4	Cao Đặng Hợp	Trực Gian máy	0984.913.007
50	5	Trần Văn Nghĩa	Trực Gian máy	0397.222.353
51	6	Triệu Doãn Quỳnh	Trực Gian máy	0326.526.268
52	7	Hà Ngọc Anh	Trực Gian máy	0978.182.911

TT		Họ và tên	Chức danh công việc		Số điện thoại
53	8	Lò Văn Nhất	Trực TPP		0974.252.387
54	9	Phạm Thành Lực	Trực TPP		0987.641.568
		Tổ Công nghệ thông tin			
55	1	Đoàn Thái Hưng	Tổ trưởng		0963.898.886
56	2	Đặng Hồng Quyền	Kỹ sư		0367.805.494
57	3	Bùi Duy Khánh	CNKT		0986.460.334
II		Đội số 2: Đội trưởng Trần Quốc Cường - 0378.980 898; Đội phó Võ 0382.111.093, Đội phó Nguyễn Tử Sơn Hà - 0962.379.288			
		Trung tâm KSAT công trình			
58	1	Trần Quang Thảo	Tổ trưởng		0983.407.053
59	2	Hà Thanh Nam	NV Kỹ thuật		0979.414.707
60	3	Võ Ngọc Quang	NV Kỹ thuật		0382.111.093
61	4	Nguyễn Lê Trung	CN kỹ thuật		0868.889.900
62	5	Phan Sỹ Huynh	CN kỹ thuật		0974.613.737
63	6	Bùi Đức Thuận	CN kỹ thuật		0964.668.498
64	7	Nguyễn Bá Bắc	CN kỹ thuật		0963.262.182
65	8	Lò Văn Thương	CN kỹ thuật		0374.902.087
66	9	Nguyễn Bá Mậu	CN kỹ thuật		0984.709.684
67	10	Lò Ngọc Tú	CN kỹ thuật		0975.960.669
68	11	Phạm Nhất Linh	Tổ trưởng		0978.208.807
69	12	Nguyễn Trung Hiếu	NV Kỹ thuật		0913.977.868
70	13	Phạm Minh Duân	NV Kỹ thuật		0983.424.857
71	14	Nguyễn Tiến Hoàn	NV Kỹ thuật		0388.117.338
72	15	Hoàng Hồng Quân	CN kỹ thuật		0989.237.786
73	16	Đỗ Vinh Quang	CN kỹ thuật		0975.911.985
74	17	Lê Việt Dũng	CN kỹ thuật		0988.565.224
75	18	Lò Văn Lâm	CN kỹ thuật		0367.552.144
76	19	Phạm Trung Thành	CN kỹ thuật		0396.560.688
77	20	Nguyễn Văn Nam	CN kỹ thuật		0353.640.389
78	21	Lê Ngọc Hiền	CN kỹ thuật		0368.083.039

TT		Họ và tên	Chức danh công việc		Số điện thoại	
79	22	Nguyễn Trọng Nhuận	CN kỹ thuật		0983.397.957	
80	23	Trần Văn Khoa	CN kỹ thuật		0987.964.142	
81	24	Trần Việt Doãn	CN kỹ thuật		0968.268.700	
82	25	Nguyễn Đắc Phương	CN kỹ thuật		0983.682.104	
		Tổ kho - Phòng KHVT				
83	1	Nguyễn Tử Sơn Hà	Thủ kho		0962379288	
84	2	Vũ Nho Bảy	Phụ kho		0975299250	
85	3	Nguyễn Ngọc Dương	Phụ kho		0915097677	
		Tổ bảo vệ, tổ HCQT Sơn La - Phòng HCLĐ				
86	1	Trần Quốc Cường	Tổ trưởng		0378980898	F
87	2	Hà Văn Tiếp	NVBV		0396750832	N
88	3	Lê Hoàng Anh	CNSC Điện		0965419988	N
89	4	Nguyễn Văn Trung	NVBV		0384 523 177	N
90	6	Lê Văn Đạo	NVBV		0974.798.138	N
91	7	Lê Văn Tuấn	NVBV		0845. 968 029	N
92	8	Đoàn Văn Thắng	NVBV		0384. 678 628	N
93	9	Trịnh Văn Nam	NVBV		0339.905 536	N
94	10	Trần Văn Thống	NVBV		0985. 683 683	N
95	11	Dương Văn Hải	NVBV		0978 278 936	N
96	12	Hoàng Văn Tiến	NVBV		0977924443	N
97	13	Đặng Văn Túc	NVBV		0919.802.873	N
98	14	Kiều Văn Toàn	NVBV		0963893368	N
99	15	Phạm Trọng Khởi	NVBV		0387602177	N
100	16	Phạm Văn Vân	NVBV		0914571481	N
101	17	Bùi Quốc Thảo	NVBV		0975181379	N
102	18	Lò Văn Giót	NVBV		0948 208 918	T
103	19	Hoàng Văn Quỳnh	NVBV		0395 839 037	T
104	20	Nguyễn Khắc Tú	NVBV		0946 026 609	T
105	21	Nguyễn Văn Kiên	NVBV		0987 047 501	T
106	22	Trần Văn Việt	Lái Tàu		0947.148.662	N

TT		Họ và tên	Chức danh công việc		Số điện thoại	
107	23	Bùi Hồng Kỳ	Máy tàu, lái xe		0978.968.118	N
108	24	Nguyễn Văn Nhất	Lái tàu, Lái xe		0978.272.499	N
109	25	Nguyễn Phi Hùng	NV lái xe		0964.856.366	N
110	26	Trần Tiến Đạt	NV lái xe		0976.997.379	N
111	27	Vũ Chí Thanh	NV lái xe		0903475761	N
112	28	Đoàn Quang Thọ	NV lái xe		0868270558	T
113	29	Nguyễn Quốc Huy	NV phục vụ		0987300366	T
III		Đội số 3: Đội Trưởng Trần Khánh Duy - 0965476783; Đội phó Đinh Thế Vũ Đội phó Nguyễn Quang Trung - 0979.697.645				
114	1	Trần Khánh Duy	Tổ trưởng tổ Sửa chữa Điện - Thí nghiệm Sơn La		0965476783	E
115	2	Lữ Văn Canh	Kỹ sư		0984724127	
116	3	Đỗ Văn Quang	Kỹ sư		0978989227	
117	4	Vũ Ngọc Tân	CN Sửa chữa điện		0962664888	
118	5	Nguyễn Xuân Thắng	CN Sửa chữa điện		0374924234	
119	6	Vũ Quang Hanh	CN Sửa chữa điện		0974980814	
120	7	Ngô Ánh Dương	CN Sửa chữa điện		0973922299	
121	8	Nguyễn Trung Phú	CN Sửa chữa điện		0981246266	
122	9	Đào Văn Hồng	CN Sửa chữa điện		0977656234	
123	10	Đỗ Ba Duy	CN Sửa chữa điện		0982407557	
124	11	Chu Minh Đạo	CN Sửa chữa điện		0347641848	
125	12	Cà Văn Lâm	Công nhân thí nghiệm		0399395997	
126	13	Đinh Thế Vũ	Tổ trưởng tổ Tự động Sơn La		0389845656	E
127	14	Hoàng Hải	Kỹ sư		0985526564	
128	15	Phạm Đức Đạt	Kỹ sư		0975828323	
129	16	Trương Ngọc Cường	Kỹ sư		0372588615	
130	17	Lê Đăng Chính	CN SC thiết bị ĐK-ĐT		0989632538	
131	18	Ngô Kim Tiền	CN SC thiết bị ĐK-ĐT		0868898589	
132	19	Nguyễn Đức Duy	CN SC thiết bị KT-RL		0982494892	
133	20	Nguyễn Xuân Hải	CN SC thiết bị KT-RL		0385757125	

TT		Họ và tên	Chức danh công việc	Số điện thoại
134	21	Quách Văn Việt	CN SC Cơ khí	0986.508.821
135	22	Đinh Xuân Quỳnh	CN SC Cơ khí	0989.449.883
136	23	Mai Văn Dũng	CN SC Cơ khí	0982.200.625
137	24	Nguyễn Tuấn Anh(A)	CN SC Cơ khí	0976.372.458
138	25	Đỗ Văn Bình	CN SC Cơ khí	0974.807.328
139	26	Trần Duy Ước	CN SC Cơ khí	0986.006.638
140	27	Đặng Minh Kỳ	CN SC Cơ khí	0974.807.328
141	28	Ngô Văn Thúc	CN SC Cơ khí	0985.500.811
142	29	Trần Cao Điển	CN SC Cơ khí	0373.393.311
143	30	Khương Ngọc Khuê	CN SC Cơ khí	0396.921.992
144	31	Trịnh Văn Hoàng	CN SC Cơ khí	0984.252.369
145	32	Nguyễn Quang Trung	CN SC Cơ khí	0979.697.645
146	33	Vũ Văn Phương	CN SC Cơ khí	0982.214.936
147	34	Nguyễn Trọng Hùng	CN SC Cơ khí	0973.005.089
148	35	Tổng Viết Tuấn	CN SC Cơ khí	0984.252.369
149	36	Đinh Văn Lâm	CN SC Cơ khí	0979.513.560
150	37	Nguyễn Thanh Hải(B)	CN SC Cơ khí	0979.056.322
151	38	Nguyễn Hữu Sáng	CN SC Cơ khí	0962.033.889
152	39	Phạm Thanh Tùng	Công nhân Lái Xe	0962.033.889
153	40	Nguyễn Tấn Lượng	Công nhân Lái Xe	0962.033.889
154	41	Lê Ngọc Hoan	Công nhân Lái Xe	0985.013.199

2. Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai

TT	Danh sách	Số điện thoại
1	Văn phòng thường trực	02437335694 02437335695
2	Ông Lê Minh Hoan - Bộ Trưởng NN&PTNN, Phó Trưởng Ban	02437335718
3	Ông Trần Quang Hoài - Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo	0913241568
4	Ông Nguyễn Đức Quang - Phó Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo	0982795237